

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2020

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Tổ 17, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn V, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Tổ 17, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bảng tự khai, và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Ông Ngô Văn V kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thọ (cũ), huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 17, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, chồng tôi không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, chửi bới tôi làm ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với Ông Ngô Văn V.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung: cháu Ngô Thị Hoàng M, sinh ngày 14/12/2002 và cháu Ngô Hoàng Q, sinh ngày 12/02/2012. Ly hôn, Bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Ông Ngô Văn V: Mặc dù Ông Ngô Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông Ngô Văn V vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai của cháu Ngô Thị Hoàng M và cháu Ngô Hoàng Q, cả hai cháu đều xác định mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh, Tổ trưởng tổ dân phố cũng xác định Bà Nguyễn Thị N và Ông Ngô Văn V vẫn chung sống tại địa chỉ trên nhưng cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nghiêm trọng, không ai quan tâm đến ai. Ông V đôi lúc có hành vi bạo lực gia đình với bà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MATRIX VN có cung cấp tài liệu thể hiện Bà Nguyễn Thị N hiện là người lao động của Công ty theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 09/10/2017.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị N đối với Ông Ngô Văn V.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngô Thị Hoàng M và cháu Ngô Hoàng Q cho Bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với Ông Ngô Văn V để xin ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu và biên bản xác minh của Tòa án thì tại thời điểm khởi kiện, Ông Ngô Văn V có hộ khẩu tại địa chỉ: Tổ 17, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn Ông Ngô Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Ngô Văn V.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N và Ông Ngô Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thọ (cũ), huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tổ 17, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị N, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và Ông V có hành vi bạo lực gia đình với Bà N. Mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được nên bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Ngô Văn V. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù tòa án đã tiến hành triệu tập để hòa giải nhưng Ông Ngô Văn V vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện Ông Ngô Văn V không có ý định hòa giải với Bà Nguyễn Thị N để cứu vãn cuộc sống hôn nhân giữa ông bà. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị N và Ông Ngô Văn V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được và Bà Nguyễn Thị N xác định không còn tình cảm với Ông Ngô Văn V nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị N đối với Ông Ngô Văn V.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung, bao gồm: cháu Ngô Thị Hoàng M, sinh ngày 14/12/2002 và cháu Ngô Hoàng Q, sinh ngày 12/02/2012. Ly hôn, Bà Nguyễn Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Ông V cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: theo bản tự khai của cháu M và cháu Q thì hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông V không thể hiện ý kiến mong muốn được nuôi dưỡng cháu nào. Đồng thời, Bà Nguyễn Thị N đang có công việc ổn định nên việc nuôi dưỡng các cháu sẽ phù hợp hơn với điều kiện kinh tế và việc phát triển tâm sinh lý của cháu về sau. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị N, giao con chung cháu Ngô Thị Hoàng M và cháu Ngô Hoàng Q cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 244, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị N đối với Ông Ngô Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với Ông Ngô Văn V.
2. Về con chung và cấp dưỡng:

Giao con chung: cháu Ngô Thị Hoàng M, sinh ngày 14/12/2002 và cháu Ngô Hoàng Q, sinh ngày 12/02/2012 cho Bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ngô Văn V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết Bà Nguyễn Thị N và Ông Ngô Văn V có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001329 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Hòa Thọ Tây;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng